

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HÀO QUANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HÀO QUANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAO QUANG INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108325451

3. Ngày thành lập: 14/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

thôn Quyết Tiến, Xã Tiên Phương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916191566

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh karaoke, vũ trường)	5630
2.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
3.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
4.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
5.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
6.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
7.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
8.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
9.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
11.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
12.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
13.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
14.	Cho thuê xe có động cơ	7710

15.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) Động cơ, + Dụng cụ máy, + Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, + Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, Thiết bị đo lường và điều khiển, + Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học	7730
16.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./	8299
18.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch; ...	4932
19.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá, dịch vụ liên quan tới hậu cần; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ	5229
21.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
22.	Bốc xếp hàng hóa	5224
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
26.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
27.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

28.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
29.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
30.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
31.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
32.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
33.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
36.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
37.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
38.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
39.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
40.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
41.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
43.	Bán buôn gạo	4631
44.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
45.	Bán buôn thực phẩm	4632
46.	Bán buôn đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	4633
47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
51.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

52.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
53.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
54.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
55.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
56.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
57.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐỨC QUYỀN	thôn Quyết Tiến, Xã Tiên Phương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	35,000	111629983	
			Tổng số	35.000	350.000.000	35,000		
2	NGUYỄN DANH THỂ	Đội 4 Quyết Tiến, Xã Tiên Phương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	001090021146	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		

3	NGUYỄN QUANG KHẢI	Đội 5 Tiên Lữ, Xã Tiên Phương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	35,000	001085011460	
			Tổng số	35.000	350.000.000	35,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC QUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/05/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111629983

Ngày cấp: 01/10/2007

Nơi cấp: Công an Hà Tây (nay là công an TP Hà Nội)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Quyết Tiến, Xã Tiên Phương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: thôn Quyết Tiến, Xã Tiên Phương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội